

Bản án số: 220/2022/HS-PT
Ngày 21 tháng 4 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 và tuyên án ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 398/2021/TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Hồ Văn S và Nguyễn Tiến L do có kháng cáo của hai bị cáo Hồ Văn S và Nguyễn Tiến L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Bị cáo có kháng cáo, không bị kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Hồ Văn S, sinh năm 1962, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: thôn 8A, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 12/12; trước khi phạm tội là: Giám đốc Công ty TNHH MTV C; con ông Hồ Văn T(*đã chết*) và bà Nguyễn Thị C1; có vợ là Vũ Thị T1 và có 02 con; bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2015 đến ngày 02/02/2015 được tại ngoại – Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Văn S: Luật sư Nguyễn Văn Đ, Công ty Luật TNHH MTV K1, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – có mặt ngày 14/4/2022 và vắng mặt ngày 21/4/2022.

2. Nguyễn Tiến L, sinh năm 1964, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: thôn 8A, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 12/12; trước khi phạm tội là: kế toán trưởng Công ty TNHH MTV C; con ông Nguyễn Ngọc Q và bà Nguyễn Thị T2 (*đều đã chết*); có vợ là Hà Thị N và có 03 con; bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2015 đến ngày 02/02/2015 được tại ngoại – Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tiến L: Luật sư Hoàng Văn H, Văn phòng luật sư Hoàng H1, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội – có mặt ngày 14/4/2022 và vắng mặt ngày 21/4/2022.

Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH MTV C; địa chỉ: Km 207 quốc lộ 14, xã Q1, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Duy H2– Giám đốc Công ty TNHH MTV C – xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi liên quan:

- Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1961, địa chỉ: thôn 8A, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- Bà Hà Thị N, sinh năm 1972, địa chỉ: thôn 8, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt ngày 14/4/2022 và vắng mặt ngày 21/4/2022.

- Bà Hà Thị N1, sinh năm 1979, địa chỉ: Thôn 7, xã Đ2, huyện T3, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cà Phê Đ3(*năm 2010 được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV C*) là doanh nghiệp nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 547/TCT-TCCB/QĐ ngày 19/5/2005 của Tổng Công ty Cà Phê V, do Hồ Văn S làm Giám đốc và Nguyễn Tiến L làm Kế toán trưởng.

Khoảng cuối năm 2007 và đầu năm 2008 thấy giá xăng dầu thường xuyên biến động nên S và L quyết định đầu tư mua xăng dầu, ký gửi chờ lên giá rồi bán lại kiếm lời. Thông qua quan hệ xã hội, L quen biết Nguyễn Thị H3 chủ Doanh nghiệp tư nhân H4(*DNTN H4*), địa chỉ kinh doanh: Khu vực 5, phường C2, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ là đơn vị kinh doanh xăng dầu. Ngày 09/01/2008, S và L, cùng ông Nguyễn Khắc T4– Phó giám đốc và ông Hà Huy Z1 – Phó phòng kinh tế kỹ thuật của Công ty Cà Phê Đ3 đến DNTN H4 thì được H3 dẫn đi xem các cơ sở kinh doanh xăng dầu của DNTN H4. Sau khi xem, S và H3 tiến hành ký hợp đồng số 01/2008 HĐMB-XD với nội dung Công ty Cà Phê Đ3 mua của DNTN H4 155.000 lít xăng A92 và 297.079 lít dầu DieZen. Ngày 11/01/2008, S ký ủy nhiệm chi số 34 thanh toán cho DNTN H4 toàn bộ số tiền: 4.999.999.999đ theo hợp đồng nói trên. Sau khi nhận được số tiền trên Nguyễn Thị H3 xuất 03 hóa đơn GTGT của DNTN H4 thể hiện xuất cho Công ty Cà Phê Đ3 158.000 lít xăng A92 và 279.000 lít dầu DieZen với tổng giá trị là: 4.856.100.000đ. Việc mua bán này chỉ diễn ra về hình thức, trên thực tế thì không có việc giao nhận hàng. Sau khi nhận được 03 hóa đơn GTGT trên, L soạn thảo các hợp đồng gửi kho số 02.1/2008 HĐGK ngày 13/01/2008, 02.2/2008 HĐGK ngày 19/01/2008 và số 02.3/2008 HĐGK ngày 15/02/2008 về việc gửi toàn bộ số lượng xăng dầu theo 03 hóa đơn GTGT trên tại kho DNTN H4. Ngày 16/02/2008,

Hồ Văn S và Nguyễn Thị H3 ký biên bản về việc thanh lý hợp đồng số 01/2008-HĐMB-XD và ghi nhận DNTN H4 phải trả lại cho Công ty Cà Phê Đ3 là: 143.899.999đ (4.999.999.999đ - 4.856.100.000đ).

Ngày 20/02/2008, S và L đến DNTN H4 để kiểm tra lượng xăng dầu mà Công ty Cà Phê Đ3 gửi tại kho DNTN H4. S và L không tiến hành kiểm tra thực tế để xác định số lượng xăng, dầu gửi kho như thế nào nhưng S vẫn ký biên bản ghi nhận toàn bộ số lượng xăng dầu của Công ty Cà Phê Đ3 còn đủ tại kho của DNTN H4 với Nguyễn Thị H3. Sau đó, S và L đề nghị H3 mua lại một phần xăng, dầu của Công ty nhưng H3 không đồng ý mà nói để H3 bán cho DNTN V1 có địa chỉ kinh doanh tại xã N2, huyện G, tỉnh Kiên Giang do ông Nguyễn Văn H5 (*bố của H3*) làm chủ doanh nghiệp cho Công ty Cà Phê Đ3. Tuy nhiên, DNTN V1 thực tế là do H3 đứng ra thành lập và đã được bán lại cho ông Phạm Ngọc Q2 (*trú tại: xã N2, huyện G, tỉnh Kiên Giang*) từ tháng 06/2007. Do không tìm hiểu hoạt động của DNTN V1 về khả năng tài chính nhưng trong ngày 20/02/2008, S vẫn ký hợp đồng số 01/2008 HĐMB-XD nội dung thể hiện Công ty Cà Phê Đ3 cho phép DNTN H4 bán số lượng 41.721lít xăng A92 và 130.486 lít dầu DieZen với tổng số tiền là 1.888.108.180đ cho DNTN V1. Đến ngày 28/2/2008, S tiếp tục ký hợp đồng số 02/2008 HĐMB-XD với nội dung thể hiện Công ty Cà Phê Đ3 đồng ý cho DNTN H4 tiếp tục bán 148.514 lít dầu DieZen với tổng giá trị 2.004.939.000đ cho DNTN V1, đồng thời ký hợp đồng số 03/2008, tiếp tục gửi 116.279 lít xăng A92 còn lại theo hợp đồng tại kho DNTN H4.

Sau khi ký các hợp đồng nêu trên do S và L không giám sát, kiểm tra nên H3 đã tự ý bán tiếp toàn bộ lượng xăng dầu còn lại trong kho của doanh nghiệp bao gồm cả lượng hàng mà S và L đã gửi kho để lấy tiền. Ngày 02/3/2008, H3 chỉ thanh toán cho Công ty Cà Phê Đ3 số tiền 37.000.000đ. Ngày 17/03/2008, S cùng L đến kiểm tra 116.279 lít xăng còn lại gửi tại kho DNTN H4 thì mới phát hiện H3 đã tự ý bán hết toàn bộ số xăng này. H3 thoả thuận sẽ thanh toán số nợ gốc và trả số lượng 116.279 lít xăng A92 cho Công ty Cà Phê Đ3. Tuy nhiên, tính đến ngày 13/6/2008 (*sau gần 03 tháng*), H3 mới trả được cho Công ty Cà Phê Đ3 tổng số tiền là: 1.137.000.000đ.

Do không thực hiện theo cam kết nên, ngày 04/3/2009, Công ty Cà Phê Đ3 khởi kiện DNTN H4 ra Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Vụ việc đã được Tòa án nhân dân quận Ô Môn xét xử sơ thẩm và Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm xác định tổng số tiền DNTN H4 nợ của Công ty Cà Phê Đ3 và yêu cầu DNTN H4 phải trả cho Công ty Cà Phê Đ3 số tiền cả gốc và lãi là: 5.334.467.809đ. Quá trình thi hành bản án, Cơ quan Thi hành án quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thu hồi được cho Công ty Cà Phê Đ3 tổng số tiền là: 1.009.899.882đ. Đến ngày 27/3/2013, Cơ quan Thi hành án quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ đã có Quyết định số: 35/QĐ.CCTHA trả lại đơn yêu cầu thi hành án cho Công ty Cà Phê Đ3 vì lý do Nguyễn Thị H3 không còn tài sản để thi hành. Như vậy, số tiền 2.853.100.117đ không có khả năng trả cho Công ty Cà Phê Đ3.

Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật nêu trên của Hồ Văn S và Nguyễn Tiến L, năm 2014, các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Đắk Nông tiến hành điều

tra, truy tố và Toà án tiến hành xét xử, tuyên phạt Hồ Văn S 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 năm, Nguyễn Tiến L 03 năm 06 tháng tù giam về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 2 Điều 285 BLHS năm 1999. Hồ Văn S và Nguyễn Tiến L kháng cáo kêu oan.

Ngày 19/4/2016, Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án và nhận định *“Trong vụ án này còn có bà Nguyễn Thị H3 là chủ DNTN H4 là người trực tiếp bán xăng, dầu cho Công ty nhưng không giao hàng cũng như trả lại tiền và chiếm dụng số tiền cho đến nay chưa thanh toán cho Công ty. Nhưng cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ bà H3 có hay không có hành vi gian dối để chiếm đoạt tiền của Công ty”* nên đã quyết định huỷ toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông để điều tra, xét xử lại.

Quá trình điều tra, truy tố lại, các Cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Đắk Nông nhận thấy hành vi của Nguyễn Thị H3 có dấu hiệu phạm tội *“Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”* nhưng thời hạn điều tra không còn nên Cơ quan CSĐT công an tỉnh Đắk Nông đã có Kiến nghị gửi Chánh án Toà án nhân dân tối cao đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm huỷ 02 bản án kinh doanh thương mại nêu trên để xử lý Nguyễn Thị H3 bằng một vụ án khác.

Ngày 15/02/2017, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông tiếp tục xét xử và tuyên phạt Hồ Văn S 03 năm 09 tháng tù, Nguyễn Tiến L 03 năm tù giam về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 2 Điều 285 BLHS năm 1999. Hồ Văn S và Nguyễn Tiến L tiếp tục kháng cáo kêu oan. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án về *“Tranh chấp hợp đồng mua bán”* giữa Công ty Cà Phê Đ3 và bà Nguyễn Thị H3 – Chủ DNTN H4, ngày 28/8/2017, Chánh án Toà án nhân dân tối cao kháng nghị tái thẩm đề nghị Ủy ban thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử tái thẩm, huỷ án kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm của Toà án nhân dân quận Ô Môn và Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Ngày 20/12/2017, Ủy ban thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử, huỷ án Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm nêu trên, giao vụ án lại cho Toà án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử lại sơ thẩm theo quy định của pháp luật và vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” giữa Công ty Cà Phê Đ3 và bà Nguyễn Thị H3 được đình chỉ giải quyết ngày 02/6/2020.

Ngày 01/10/2019, Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án Hồ Văn S và Nguyễn Tiến L và nhận định *“Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Hồ Văn S và Nguyễn Tiến L về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 2 Điều 285 BLHS năm 1999 là có căn cứ pháp luật, không oan sai”*. Đồng thời xác định trong vụ án còn có Nguyễn Thị H3 *“có hành vi lợi dụng việc thiếu quản lý, giám sát kiểm tra của Công ty Cà Phê Đ3 trong việc mua bán và giữ giữ xăng dầu đã bán số xăng dầu gửi giữ được, sau đó để hợp thức hoá giấy tờ bà H3 đã dùng hình thức bán số xăng dầu cho Công ty H5 để hợp thức hoá số xăng dầu đã bán, đồng thời bán hết số xăng dầu còn lại mà Công ty Cà Phê Đ3 gửi giữ*

mà không được sự đồng ý và không đưa tiền lại cho Công ty Cà Phê Đ3 là có dấu hiệu phạm tội hình sự” nên đã tuyên huỷ toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2017/HSST ngày 15/02/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình tiếp tục điều tra lại, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Nông xác định hành vi của Nguyễn Thị H3 phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” nên đã ra Quyết định bổ sung Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị H3 về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 140 BLHS năm 1999.

Do Nguyễn Thị H3 không có mặt tại nơi cư trú, không rõ đang ở đâu nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã đối với H3. Hết thời hạn điều tra chưa xác định bị can đang ở đâu nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự và Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can Nguyễn Thị H3 và tiếp tục đề nghị truy tố Hồ Văn S và Nguyễn Tiến L về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo quy định tại khoản 2 Điều 285 BLHS năm 1999.

Như vậy, tổng số tiền Công ty Cà Phê Đ3 còn bị thiệt hại thực tế là (không tính việc biến động giá xăng, dầu và lãi phát sinh) $4.999.999.999đ - 1.137.000.000đ - 1.009.899.882đ = 2.853.100.117đ$.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 08/11/2019, gia đình của Nguyễn Thị H3 đã trả hết số tiền 2.853.100.117đ cho Công ty Cà Phê Đ3.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 18/3/2021 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 10/2021/TB-TA ngày 25/5/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử

Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn S và Nguyễn Tiến L phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

1.1. Áp dụng khoản 2 Điều 285; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; xử phạt bị cáo Hồ Văn S 03 (ba) năm 06 (sau) tháng tù tính từ ngày bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2015 đến 02/02/2015.

1.2. Áp dụng khoản 2 Điều 285; điểm p, s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015: xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến L 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2015 đến ngày 02/02/2015.

2. Các biện pháp tư pháp: Trả lại bà Hà Thị N số tiền 1.406.000.000 đồng, bà Vũ Thị T1 1.410.000.000 đồng, bị cáo S 18.000.000 đồng, bị cáo L 18.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi ngày 28/5/2015 của Công an tỉnh Đắk Nông, đơn vị nhận tiền là Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định

của pháp luật.

Ngày 25/5/2021, 27/5/2021 và 31/5/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông nhận đơn kháng cáo của bị cáo Hồ Văn S và Nguyễn Tiến L kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hồ Văn S và Nguyễn Tiến L thay đổi nội dung kháng cáo, nhận thấy có lỗi trong quá trình kinh doanh, dùng các biện pháp hạn chế thiệt hại nên xin miễn trách nhiệm hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là chính xác. Các bị cáo thay đổi kháng cáo từ kêu oan sang miễn trách nhiệm hình sự. Bị cáo S vẫn cho rằng án sơ thẩm xét xử bị cáo chưa chính xác. Bị cáo S có nhiều thành tích như trình bày trước tòa mà tại phiên tòa sơ thẩm chưa áp dụng, đã được gia đình nộp số tiền 1,4 tỷ đồng nhưng sau đó do người chiếm đoạt đã trả số tiền chiếm đoạt cho Công ty Cà Phê Đ3 nên án sơ thẩm đã tuyên trả lại tiền cho gia đình bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc. Căn cứ hậu quả khi vụ án xảy ra, số tiền chiếm đoạt lớn, tội danh xử các bị cáo là đúng. Mức án 03 năm 06 tháng là chính xác, tương xứng với hành vi của bị cáo S, đề nghị giữ y án sơ thẩm.

Đối với bị cáo L thì các tình tiết giảm nhẹ đã được xem xét đánh giá, tại phiên tòa, bị cáo trình bày kết luận giám định mất 73% khả năng lao động, bị cáo có tổ cáo nhóm tội phạm. Hình phạt áp dụng đối với bị cáo phù hợp nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ y án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo S trình bày: Viện kiểm sát có ghi nhận nhiều tình tiết cấp sơ thẩm không áp dụng cho các bị cáo nhưng lại đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Về kháng cáo của bị cáo S thì bị cáo có sự thay đổi cơ bản về nhận thức từ kháng cáo kêu oan chuyển sang xin miễn trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức mức án 03 năm 06 tháng tù là nặng so với hành vi của bị cáo bị quy kết. Vụ việc xảy ra, bị cáo đã tích cực trực tiếp chỉ đạo cấp dưới làm việc với bà H3 - DNTN H4 để thu hồi công nợ. Trước thời điểm khởi kiện, bà H3 thanh toán hơn 01 tỷ đồng. Bị cáo đã khởi kiện ra tòa, bà H3-DNTN H4 thanh toán tiếp và làm việc với Thi hành án thì đơn đốc việc Thi hành án. Bản án phúc thẩm lần 2 hủy án giao cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại. Bị cáo bằng nhiều biện pháp buộc bà H3 thanh toán khoản nợ còn lại. Bị cáo đã áp dụng mọi biện pháp để thu hồi nợ cho công ty. Cấp sơ thẩm không đánh giá sự tích cực của bị cáo trong việc thu hồi công nợ. Khi vụ án xảy ra, bị cáo và gia đình bán tài sản để nộp số tiền khắc phục là 1,4 tỷ đồng. Cấp sơ thẩm không ghi nhận, mong Hội đồng xét xử xem xét và ghi nhận. Trước khi vụ án được điều tra lại thì hậu quả khắc phục xong số tiền thiệt hại mà cơ quan tố tụng xác định. Cấp sơ thẩm cũng không ghi nhận việc này. Bị cáo nhận thức việc làm của mình là sai, không am hiểu pháp luật. Bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo. Trong quá trình công tác, bị cáo có rất nhiều Bằng khen của UBND tỉnh, của công ty, của Liên Đoàn Lao động, được bình bầu là Doanh nhân tiêu biểu, cúp Thánh Gióng. Bị cáo có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

điểm a, điểm b, điểm s và điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có nhiều bệnh đang điều trị, mong muốn kết thúc vụ án vì quá lâu để tập trung điều trị bệnh. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Do bị cáo có quá nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo S trình bày: Thống nhất với ý kiến của luật sư.

Người bào chữa cho bị cáo L trình bày: Hội đồng xét xử ghi nhận ý thức của bị cáo đã thay đổi từ nội dung kháng cáo kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt.

Giai đoạn 1 thì khi có bản án kinh doanh thương mại năm 2009 thì bị cáo có lỗi, có hành vi vi phạm nhưng hậu quả có không cần xem xét. Việc thi hành được đảm bảo bằng bản án kinh doanh thương mại. Từ kiến nghị của cơ quan điều tra, Tòa án nhân dân tối cao mới xem xét lại. Bà H3 - DNTN H4 chiếm đoạt nhưng chưa giải quyết triệt để về hậu quả.

Giai đoạn 2: nhận thức hành vi phạm tội, hậu quả đã được khắc phục vào tháng 11/2019. Đến tháng 10/2020 mới hủy bản án kinh doanh thương mại. Luật sư không bàn về tội danh nhưng theo Điều 50 Bộ luật Hình sự thì căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả khắc phục trước khi hủy án kinh doanh thương mại để cân nhắc đường lối giải quyết. Cấp sơ thẩm không đánh giá là bản án đang được thi hành. Bị cáo L nhận lỗi và xác định hành vi của mình. Bị cáo L có vai trò đồng phạm trong vụ án. Từ đầu, gia đình bị cáo đã nộp tiền và cơ quan tố tụng đã thay đổi biện pháp ngăn chặn, mỗi bị cáo nộp 1,4 tỷ đồng. Bị cáo L tích cực giúp đỡ các cơ quan phát hiện điều tra tố giác tội phạm từ tháng 09/2017. Quá trình tại ngoại, bị cáo đã dạy dỗ các con và gia đình đạt gia đình văn hóa nhiều năm liền. Bị cáo bị mất sức lao động 73%. Căn cứ tinh thần Nghị quyết 03 tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Nghị quyết 03 xem xét chính sách khoan hồng khi những người bị buộc tội có hai tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, không có động cơ vụ lợi khác, chấp nhận kháng cáo của bị cáo L, áp dụng điểm b, s, q, t và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xem xét đánh giá tính chất, mức độ vụ án cho bị cáo L.

Bị cáo L trình bày: Thống nhất với ý kiến của luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Không tranh luận.

Bị cáo S nói lời nói sau cùng: Bị cáo có sai sót, có lỗi trong quá trình kinh doanh làm công ty bị thiệt hại. Hậu quả đã khắc phục. Mong Hội đồng xét xử xem xét kết thúc vụ án.

Bị cáo L nói lời nói sau cùng: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bị cáo có sai sót, có lỗi, dùng nhiều biện pháp để thu hồi công nợ. Đến nay, bị cáo bị bệnh mất sức lao động. Mong Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hồ Văn S và bị cáo Nguyễn Tiến L thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm.

Giấy phép kinh doanh Công ty Cà Phê Đ3 đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép kinh doanh xăng dầu với hình thức đại lý. Tuy nhiên, các bị cáo Hồ Văn S và Nguyễn Tiến L đã không tìm hiểu về điều kiện kinh doanh xăng, dầu đồng thời đã không tìm hiểu kỹ về đối tác; chỉ dựa trên mối quan hệ quen biết và ngày 09/1/2008 các bị cáo ký hợp đồng mua bán xăng dầu với DNTN H4 do bà Nguyễn Thị H3 làm chủ doanh nghiệp và ký gửi hàng hóa tại bồn, kho chứa của doanh nghiệp Hoàng H3 Trang.

Ngày 20/02/2008 Hồ Văn S ký thỏa thuận cho phép DNTN H4 bán số lượng 41.721 lít xăng A92 và 279.000 lít dầu Diezen với tổng số tiền: 3.893.047.180 đồng cho DNTN V1 và tiếp tục ký gửi 116.279 lít xăng A92 còn lại tại kho của DNTN H4 nhưng không kiểm tra số hàng hóa trên thực tế và cũng không thực hiện biện pháp kiểm tra thường xuyên dẫn đến bà H3 đã bán hết số xăng này đồng thời bà H3 chỉ trả cho Công ty Cà phê Đ3 số tiền: 1.137.000.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Hồ Văn S và bị cáo Nguyễn Tiến L, ý kiến của người bào chữa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1] Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Hồ Văn S và bị cáo Nguyễn Tiến L về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự 1999 là đúng người, đúng tội.

[2.2] Về tố tụng: Biên bản nghị án ghi ngày 18/5/2021 (Bút lục 2079).

Biên bản phiên tòa ghi ngày 26/5/2021 (Bút lục 2080)

Bản án số 16/2021/HSST ngày 18-3-2021 (Bút lục 2089-2093) bản chính

Bản án phát hành số 16/2021/HSST ngày 18-3-2021 (Bút lục 2094-2098)

Thông báo sửa chữa bổ sung bản án số 10/2021/TB-TA ngày 25/5/2021 có sửa chữa bổ sung từ ngày 18/3/2021 thành ngày 18/5/2021 (có trong hồ sơ Bút lục 2100).

Thông báo sửa chữa bổ sung ngày 18/5/2021 có sửa chữa biên bản phiên tòa từ ngày 26/5/2021 thành ngày 18/5/2021 và Thông báo sửa chữa bổ sung bản án số 10/2021/TB-TA ngày 25/5/2021 có sửa chữa bổ sung từ ngày 18/3/2021 thành ngày 18/5/2021 gửi đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/9/2021 sau khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý số 398/HSPT ngày 25/6/2021.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đơn kháng cáo của bị cáo S và bị cáo L cũng nêu rõ kháng cáo bản án xử và tuyên án ngày 18/5/2021.

Do vậy, các sai sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm đã được sửa chữa bổ sung và không làm ảnh hưởng đến bản chất vụ án. Tuy nhiên, vụ án đã bị hủy nhiều lần, Tòa án cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2.3] Về hình phạt:

Do cơ quan tố tụng bỏ lọt hành vi phạm tội của Nguyễn Thị H3 về việc “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nên vụ án bị hủy nhiều lần và việc giải quyết trách nhiệm dân sự không đúng.

Ngày 20/12/2017, Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử, hủy án Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và phúc thẩm, giao vụ án lại cho Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử lại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng mua bán” giữa Công ty Cà Phê Đ3 và bà Nguyễn Thị H3 được đình chỉ giải quyết ngày 02/6/2020 do trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 08/11/2019, gia đình của Nguyễn Thị H3 đã trả hết số tiền 2.853.100.117đ cho Công ty Cà Phê Đ3 và Công ty Cà Phê Đ3 rút đơn khởi kiện.

Vào năm 2014 khi cơ quan điều tra tiến hành điều tra việc sai phạm thì tổng số tiền Công ty Cà Phê Đ3 còn bị thiệt hại thực tế là (không tính việc biến động giá xăng, dầu và lãi phát sinh) 4.999.999.999đ - 1.137.000.000đ - 1.009.899.882đ = 2.853.100.117đ.

Lần xét xử sơ thẩm lần 1 thì các bị cáo cùng gia đình đã nộp số tiền sau: Bà Hà Thị N số tiền 1.406.000.000 đồng, bà Vũ Thị T1 1.410.000.000 đồng, bị cáo S 18.000.000 đồng, bị cáo L 18.000.000 đồng và sau khi án bị hủy thì ngày 08/11/2019, gia đình của Nguyễn Thị H3 đã trả hết số tiền 2.853.100.117đ cho Công ty Cà Phê Đ3.

Tính đến ngày 08/11/2019, trước khi xét xử sơ thẩm lần thứ ba thì hậu quả đã được khắc phục. Người đại diện các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể của Công ty Cà Phê Đ3 có văn bản đề nghị các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét đến công lao của các bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 với các bị cáo.

Bị cáo L trong quá trình công tác đã được Công ty tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và có cha ruột là ông Nguyễn Ngọc Q được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì, Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng nhất, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015) và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tính đến khi xét xử sơ thẩm lần 3 thì hậu quả đã được khắc phục, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cũng nhận thấy sai sót của mình, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt. Do nhận thức pháp luật hạn chế nên trước đây các bị cáo cho rằng mình bị oan nhưng nay nhận thức rõ về thiếu sót của mình là phạm tội.

Bị cáo Hồ Văn S cung cấp các giấy tờ sau: Bằng khen của UBND tỉnh Đắk Lắk tặng do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 1997, Bằng khen của Tổng Công ty Cà Phê V đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong phong trào thi đua công tác năm 1999, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác giáo dục Quốc phòng- An Ninh giai đoạn 2001-2010, Bằng khen của Công đoàn Tổng Công ty Cà Phê V đã có nhiều thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua Lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2011, 2012. Bằng khen của Ban chấp hành Liên đoàn Lao động đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động sáng tạo khoa học công nghệ, nhiều Bằng khen, giấy khen, danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và bị cáo được bình bầu là Doanh nhân tiêu biểu, cúp Thánh Gióng. Các toa thuốc đang điều trị bệnh viêm dạ dày, tá tràng, bệnh viêm gan, tăng lipid máu.

Vụ án xét xử sơ thẩm lần 1 thì các bị cáo cùng gia đình đã nộp số tiền sau: Bà Hà Thị N số tiền 1.406.000.000 đồng, bà Vũ Thị T1 1.410.000.000 đồng, bị cáo S 18.000.000 đồng, bị cáo L 18.000.000 đồng và sau khi án bị hủy thì ngày 08/11/2019, gia đình của Nguyễn Thị H3 đã trả hết số tiền 2.853.100.117đ cho Công ty Cà Phê Đ3. Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho các bị cáo vì cho rằng gia đình tự nguyện nộp, các bị cáo không có tác động gì là không đúng vì phần giải quyết dân sự Tòa án cấp sơ thẩm đã trả lại cho bị cáo S và bị cáo L mỗi bị cáo số tiền là 18.000.000 đồng và số tiền gia đình bị cáo đã nộp, nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b khoản 1 khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho các bị cáo.

Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, điểm s, điểm v cho bị cáo và ghi nhận các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo S.

Bị cáo L có nộp bổ sung giấy xác nhận có công trong việc tổ giác tội phạm, có xác nhận của Công an huyện EaH"Leo; xác nhận về giảm khả năng lao động 73%, giấy xác nhận gia đình văn hóa, giấy chứng nhận phẫu thuật ngày 13/11/2017 (viêm túi mật hoại tử), giấy ra viện ngày 12/7/2021 bệnh sỏi niệu quản trái, gout và Bằng khen của Tổng Công ty Cà Phê V đã có thành tích xuất sắc nhiệm vụ trong phong trào, thi đua sản xuất kinh doanh năm 2012. Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t và điểm p khoản 1 Điều 51 (điểm b khoản 3 Điều 4 xác định mức độ khuyết tật được quy định tại Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật) mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng và ghi nhận các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo L.

Từ lúc tại ngoại đến nay, các bị cáo không có vi phạm pháp luật, chứng tỏ các bị cáo thật sự ăn năn, hối cải, có thể tự cải tạo bản thân. Cả hai bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú

rõ ràng, thiệt hại vật chất của vụ án đã được khắc phục toàn bộ. Do đó, cả hai bị cáo đều đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và không thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách L bị cáo S và bị cáo L ra khỏi xã hội mà giao bị cáo S và bị cáo L cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa một phần án sơ thẩm và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 cho thống nhất.

Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo xin hưởng án treo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ y án sơ thẩm không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Văn S và bị cáo Nguyễn Tiến L. Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt và điều chỉnh điều luật áp dụng cho phù hợp.

1.1. Áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Hồ Văn S 03 năm tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 5 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 21/4/2022).

Giao bị cáo Hồ Văn S cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản

án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1.2. Áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, p, s, v, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến L 02 năm tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 4 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 21/4/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Tiến L cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 2 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Các nội dung khác trong quyết định Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2021/HS-ST ngày 18/3/2021 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 10/2021/TB-TA ngày 25/5/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Hồ Văn Svà Nguyễn Tiến L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Hồ Văn S và Nguyễn Tiến L).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông ;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã EaKly, huyện Krông Pắc; tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu (Án – Duẩn/Trúc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương

